TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1166/2018/DS-PT
Ngày: 30 - 11 - 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1 Ông Uông Văn Tuấn
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 14 và ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/DSPT ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4267/2018/QĐXX-PT, ngày 20 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 8598/QĐ-PT, ngày 09/10/2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị P - Sinh năm 1968.
Địa chỉ: số 9V đường L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền là bà Võ Kim T - Sinh năm 1977.
Địa chỉ liên lạc: số 57C Cư xá P, đường L, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H - Sinh năm 1976.
Địa chỉ: số 299C/8 Ấp 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Viết N - Luật sư – VPLS Bùi Viết N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Ông Võ Hùng S - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: số 380B/6 Ấp 2, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Võ Kim T đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hồng H và Luật sư Bùi Viết N có mặt khi Tòa xét xử và tuyên án, ông Võ Hùng S có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Hồ Thị P có bà Võ Kim T đại diện hợp pháp trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên vào ngày 01/8/2015, bà Hồ Thị P có cho bà Nguyễn Thị Hồng H vay số tiền 10.000 Euro (tương đương 236.000.000 đồng) theo giấy mượn tiền ngày 01/8/2015, đôi bên giao tiền bằng Euro. Bà H cam kết sẽ hoàn trả cho bà P số tiền này trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 01/8/2015, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Đến ngày 24/01/2016, bà H đã trả cho bà P được 100.000.000 đồng (tương đương 4.111 Euro, 1 EUR vào ngày 24/01/2016 = 24.323 đồng), do đó bà H còn nợ bà P 5.889 Euro (10.000 Euro – 4.111 Euro). Dù đã quá thời hạn trả nợ, bà P đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H cố tình né tránh, hẹn hết lần này đến lần khác, vẫn không thực hiện đúng cam kết của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị P có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H, địa chỉ: 299C/8 ấp 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04/5/2017, Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT với nội dung *"Phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H trong phạm vi số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà H được nhận tiền bồi thường từ dự án khu E thuộc khu đô thị mới Nam thành phố tại xã A, huyện B, đối với nhà và đất tại địa chỉ 110A/4E ấp 1, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh".*

Tại phiên tòa bà Tuyết (đại diện hợp pháp nguyên đơn) yêu cầu bà H trả lại cho bà P 5.889 Euro được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam là 156.553.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) (tỷ giá hôm nay 1 EUR = 26.584 đồng), không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H có ông Phạm Văn V đại diện hợp pháp trình bày:

Do bà H và bà P có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 01/8/2015 bà H có vay của bà P số tiền 10.000 Euro, thời hạn vay 03 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Đến ngày 24/01/2016, bà H đã trả cho bà P được 100.000.000 đồng. Do có khó khăn về kinh tế nên đến nay bà H không có khả năng trả nợ cho bà P đúng hạn. Thực chất bà H có trả lãi cho bà P được 06 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng, khi trả lãi hai bên không làm giấy tờ, bà H cũng không tranh chấp về số tiền lãi đã trả cho bà P.

Tại Tòa hôm nay ông Phạm Văn V (đại diện hợp pháp bị đơn) xác nhận bà H còn nợ bà P 5.889 Euro được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam là 156.553.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng). Đây là nợ riêng của cá nhân bà H, bà H sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho bà P số tiền trên nhưng bà P phải hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với nhà đất tại địa chỉ 110A/4E ấp 1, xã A, huyện B. Đồng thời ông V yêu cầu Tòa án đưa bà Lê Thị Y (mẹ ruột của bà H) vào tham gia tố tụng vì phần tài sản nhà đất này đang được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nguồn gốc là của bà Y chứ không phải của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hùng S trình bày:

ông S là chồng của bà Hồ Thị P. Việc vay tiền giữa bà P và bà H thì ông S không biết, cũng như không liên quan đến, đây là tài sản riêng của bà P, ngoài ra ông S không có ý kiến hay yêu cầu gì khác, vì bận công việc nên ông S yêu cầu xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 109/2018/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 471, 128, 137 Bộ luật dân sự năm 2005; áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị P số tiền 156.553.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 cho đến khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Hồ Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Hồng H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.826.650 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho bà Hồ Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí" số 0021605 ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 03/7/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/11/2018 bà H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H xác định yêu cầu kháng cáo là xin được trả dần cho nguyên đơn mỗi tháng ít nhất là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy "Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 do Tòa án huyện B ban hành, về việc "Phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H trong phạm vi số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà H được nhận tiền bồi thường từ dự án khu E thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh" - Vì cho đến nay dự án khu E thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố chưa thực hiện, bà H chưa nhận quyết định thu hồi đất, quyết định đền bù và chưa biết số tiền sẽ được đền bù là bao nhiêu. Hơn nữa nhà đất nếu được bồi thường khi dự án được thực hiện, có nguồn gốc là do mẹ bà H là bà Lê Thị Y thuê đất của Ủy ban nhân dân xã A, huyên B và cất nhà vào năm 1998, bà H chỉ là người ở trông coi nhà cùng bà Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Hùng S có đơn xin vắng mặt khi Tòa án xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục kháng cáo và việc chấp hành tố tụng tại cấp phúc thẩm: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận để xem xét. Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã

chấp hành, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: bà H thừa nhận và đồng ý trả cho bà P số tiền còn thiếu là 156.553.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng không được đại diện theo ủy quyền của bà P đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Xét "Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 do Tòa án huyện B ban hành, nội dung "Phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H trong phạm vi số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà H được nhận tiền bồi thường từ dự án khu E thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh" - là chưa đúng căn căn cứ pháp luật; bởi căn cứ Công văn số 2182/BBT ngày 24/3/2017, Công văn số 9237/BBT ngày 25/10/2017 và Công văn số 8801/BBT ngày 28/11/2018 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B tất cả thể hiện đến hiện nay bà H chưa được bồi thường, chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư chưa được phê duyệt và ban bồi thường giải phóng mặt bằng chưa có cơ sở để xác định giá trị bồi thường hỗ trợ thiệt hại và bồi thường hỗ trợ tái định cư cũng như chưa tiến hành chi trả tiền cho bà Nguyễn Thị Hồng H từ dự án khu E thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh - do đó yêu cầu kháng cáo này của bà H là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra án sơ thẩm nhận định giao dịch vay mượn bằng ngoại tệ giữa bà P với bà H là vô hiệu là đúng, nhưng tại phần quyết định của bản án lại không tuyên và án phí dân sự sơ thẩm 7.826.650 đồng bản án sơ thẩm tuyên buộc bà H phải chịu là chưa chính xác, mà phải là 7.827.650 đồng. Đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung và điều chỉnh lại cho đầy đủ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục kháng cáo:

"Đơn kháng cáo" của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H làm và nộp trong thời hạn luật định, thủ tục về kháng cáo thực hiện đúng theo quy định pháp luật nên được chấp nhận về hình thức để xem xét.

Về nội dung và yêu cầu kháng cáo:

[1] Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị P do bà Võ Kim T đại diện theo ủy quyền trình bày và sự thừa nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H có

căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Hồng H có vay của bà Hồ Thị P số tiền là 10.000 Euro theo giấy mượn tiền ngày 01/8/2015 (BL35).

[2] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H thừa nhận số tiền đã vay, đã trả và còn nợ bà P đúng như bà P trình bày và yêu cầu; đồng thời bà H đồng ý trả cho bà P số tiền 156.553.000 đồng như án sơ thẩm tuyên buộc, nhưng bà H kháng cáo xin được trả dần cho bà P nguyên đơn mỗi tháng ít nhất là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ - do hoàn cảnh hiện tại của bà H rất khó khăn. Tuy nhiên yêu cầu xin trả trả dần, trả chậm này của bà H không được phía nguyên đơn bà Hồ Thị P do bà Võ Kim T đại diện chấp nhận, do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy "Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 do Tòa án huyện B ban hành, nội dung: "Phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H trong phạm vi số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà H được nhận tiền bồi thường từ dự án khu E thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh".

Xét thấy:

- Căn cứ các Công văn của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Cung cấp thông tin liên quan đến việc chi trả tiền bồi thường giải tỏa cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng H" và "Xác minh số tiền bồi thường hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Hồng H", có nội dung như sau:

Tại Công văn số 2182/BBT, ngày 24/3/2017 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B thể hiện: "Qua kiểm tra hồ sơ pháp lý, bà Nguyễn Thị Hồng H có căn nhà tại địa chỉ 110A/4E ấp 1, xã A, huyện B với diện tích đất 102,8m^2 thuộc một phần thửa 53 và một phần đường tờ bản đồ số 7 (BĐĐC), tương ứng một phần thửa 32 tờ bản đồ số 1 (tài liệu 02/CT-UB) bị ảnh hưởng trong dự án khu E thuộc khu đô thị mới Nam thành phố tại xã A, huyện B.

Hiện nay Dự án khu E thuộc khu đô thị mới Nam thành phố tại xã A, huyện B, Ủy ban nhân dân thành phố chưa phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ (thời điểm T2) và Phương án bồi thường, hỗ trợ chưa được phê duyệt do đó, Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa có cơ sở lập hồ sơ và chi trả tiền bồi thường hỗ trợ đối với các hộ dân. Trường hợp của bà H chưa được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.". (BL60).

- Tại Công văn số 9237/BBT ngày 25/10/2017 có nội dung: "Qua kiểm tra hồ sơ pháp lý, bà Nguyễn Thị Hồng H có căn nhà tại địa chỉ 110A/4E ấp 1, xã A, huyện

B với diện tích đất 102,8m^2 thuộc một phần thửa 53 và một phần đường tờ bản đồ số 7 (BĐĐC), tương ứng một phần thửa 32 tờ bản đồ số 1 (tài liệu 02/CT-UB) bị ảnh hưởng trong dự án khu E thuộc khu đô thị mới Nam thành phố tại xã A, huyện B.

Hiện nay Dự án khu E thuộc khu đô thị mới Nam thành phố tại xã A, huyện B' Ủy ban nhân dân thành phố chưa phê duyệt đơn giá bồi thường, hổ trợ (thời điểm T2) và Phương án bồi thường, hổ trợ chưa được phê duyệt; Ban bồi thường giải phóng mặt bằng chưa có cơ sở lập hồ sơ và chi trả tiền bồi thường, hổ trợ đối với các hộ dân. Do đó, chưa có Quyết định thu hồi đất, chưa lập hồ sơ bồi thường đối với bà Nguyễn Thị Hồng H". (BL69).

- Ngày 09/11/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 6920/2018/TATP-TDS gửi Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B để xác minh về kế hoạch chi trả tiền bồi thường do giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà và đất của bà Nguyễn Thị Hồng H nằm trong dự án khu E Nam thành phố. Và tại Công văn số 8801/BBT ngày 28/11/2018 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B trả lời có nội dung: "Về phê duyệt đơn giá và phê duyệt phương án. Hiện nay dự án khu E thuộc khu đô thị mới Nam Thành phố tại xã A, huyện B, Ủy ban nhân dân Thành phố đã phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ (thời điểm T2). Đối với chính sách bồi thường hỗ trợ của dự án thì hiện nay chưa được phê duyệt.

Vị trí căn nhà của bà Nguyễn Thị Hồng H tại địa chỉ 110A/4E ấp 1, xã A, huyện B nằm hoàn toàn trong dự án khu E.

"Về số tiền bồi thường nhà đất đối với diện tích nhà đất ảnh hưởng trong dự án. Hiện nay chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư chưa được phê duyệt. Do đó Ban bồi thường giải phóng mặt bằng chưa có cơ sở để xác định giá trị bồi thường hỗ trợ thiệt hại và bồi thường hỗ trợ tái định cư cũng như chưa tiến hành chi trả tiền cho bà Nguyễn Thị Hồng H".

Như vậy có căn cứ xác định, mặc dù nhà đất tại địa chỉ 110A/4E ấp 1, xã A, huyện B với diện tích đất 102,8m^2 do bà H kê khai là hoàn toàn trong Dự án khu E thuộc khu đô thị mới Nam thành phố tại xã A, huyện B" đến nay, mặc dù đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đơn giá bồi thường, hổ trợ (thời điểm T2), nhưng phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư thì chưa được phê duyệt và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng chưa xác định giá trị bồi thường hỗ trợ thiệt hại và bồi thường hỗ trợ tái định cư, cũng như chưa tiến hành chi trả tiền cho bà Nguyễn Thị Hồng H. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành "Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 với nội dung: "Phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H trong phạm vi số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà H được nhận tiền bồi thường từ dự án khu E thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố tại xã A, huyện B,

Thành phố Hồ Chí Minh" là không đúng quy định tại Điều 126 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó bà Nguyễn Thị Hồng H kháng cáo yêu cầu Tòa án hủy bỏ "Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B như đã nêu và phân tích trên là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ngoài ra xét bản án sơ thẩm xác định quan hệ giao dịch giữa bà H và bà P bằng đồng ngoại tệ Euro là vi phạm điều cấm theo Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 - là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2005. Nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên giao dịch dân sự theo giấy mượn tiền ngày 01/8/2015 của các đương sự là vô hiệu là có thiếu sót và án phí dân sự sơ thẩm tại phần quyết định của Bản án tuyên bà H phải chịu 7.826.650 là có nhầm lẫn - cấp phúc thẩm cần điều chỉnh, bổ sung cho đầy đủ và chính xác.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét cần thiết sửa một phần bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là phù hợp, đúng căn cứ pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 138; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H. Sửa một phần Bản án sơ thẩm:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 128, 137 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18/3/2013 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị P số tiền 156.553.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Hủy bỏ "Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H trong phạm vi số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà H được nhận tiền bồi thường từ dự án khu E thuộc Khu đô thị mới Nam Thành phố tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh".

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2017-BPBĐ, ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Hồ Thị P được nhận lại số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) từ tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu là 7.827.650 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho bà Hồ Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2016/0021605 ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu; Bà Nguyễn Thị Hồng H được nhận lại 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số: AA/2018/0005510, ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh B;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Ủy ban nhân dân huyện B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh